

THÔN HƯNG TRUNG
BIỂU THỐNG KÊ THIẾT HẠI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP SAU BẢO SỐ 5

STT	HỘ GIA ĐÌNH	Cây lúa (Sau gieo trồng trên 45 ngày)		Cây lâm nghiệp				Kinh phí hỗ trợ thiệt hại
				Diện tích mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác		Diện tích trên 1/2 chu kỳ khai thác		
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
1	Hà Thị Châu	1.400	800					1.800.000
2	Nguyễn Như Trương	2.920						2.920.000
3	Lê Thị Huê	1.464						1.464.000
4	Phan Xuân Việt	1.600	400					1.800.000
5	Nguyễn Đình Dũng Lĩnh	4.000	1.000					4.500.000
6	Nguyễn Đình Quốc	4.500	500					4.750.000
7	Nguyễn Đình Xuân	6.000	1.000					6.500.000
8	Nguyễn Đình Thọ	3.600	500	20.000		8.000		31.850.000
9	Nguyễn Đình Thiên	3.700	500					3.950.000
10	Thái Thị Sâm	2.000	400	4.000				5.400.000

11	Nguyễn Đình Ninh	3.500	800			20.000		33.900.000
12	Hà Thị Thai	1.000						1.000.000
13	Nguyễn Văn Bé	2.500	500					2.750.000
14	Nguyễn Văn Thái	3.500	500			20.000		33.750.000
15	Nguyễn Thị Nhân (Bà Hồ)	500	500					750.000
16	Đậu Thị Tương	2.400	600					2.700.000
17	Hà Thị Đường	1.900	500					2.150.000
18	Hoàng Văn tuần	2.700	300			6.340		12.360.000
19	Nguyễn Đình Nhân	6.000			20.000			14.000.000
20	Nguyễn Như Nhâm	4.000	900					4.450.000
21	Nguyễn Văn Huy Thôn	2.000						2.000.000
22	Nguyễn Thị Liên (Thôn)	2.900						2.900.000
23	Trần Thị Hợi	3.500	500					3.750.000
24	Hà Thị Sương	1.400						1.400.000
25	Nguyễn Như Luyến	5.000	500					5.250.000
26	Nguyễn Như Ái	4.500	1.500					5.250.000

27	Hoàng Văn Thảo	6.700				23.000		41.200.000
28	Cao Thị Châu	1.800						1.800.000
29	Nguyễn Thị Phúc (Nhuận)	3.400	500					3.650.000
30	Nguyễn Văn Xuân	5.500	1.500	13.000				16.650.000
31	Phan Thị My	3.500	500					3.750.000
32	Lê Văn Trị	3.000	800					3.400.000
33	Nguyễn Như Xoan	2.500	331			1.500		4.915.500
34	Nguyễn Đình Nam Liên	2.900	400					3.100.000
35	Nguyễn Thị Lục (Thịnh)	3.000	500					3.250.000
36	Nguyễn Văn Nhân	2.500	500					2.750.000
37	Trần Thị Trúc	3.000	500					3.250.000
38	nguyễn Thị Cảnh (Trung)	2.000	500					2.250.000
39	Phan Thị Tý	1.500	500			1.500		4.000.000
40	Nguyễn Như Hưng	4.500	500			15.000		27.250.000
41	Nguyễn Đình Hùng (Hồng)	4.500	500			3.700		10.300.000
42	nguyễn Như Họa	2.000	400					2.200.000

43	Nguyễn Đình Bình	2.000	300					2.150.000
44	Nguyễn Thị Thu (Đạo)	2.800	700					3.150.000
45	Nguyễn Như Khoách	2.500	500					2.750.000
46	Chu Thị Thoi	980						980.000
47	Nguyễn Đình Hải	2.800	500					3.050.000
48	Nguyễn Thị Tân (Tý)	5.000	800			1.500		7.650.000
49	Nguyễn Đình Thỏa	4.000	1.000					4.500.000
50	Nguyễn thị Tâm (Đỉnh)	3.300	500					3.550.000
51	Nguyễn Thị Kinh	1.100						1.100.000
52	Nguyễn Đình Khâm	1.900						1.900.000
53	Nguyễn Đình Thành (Khâm)	1.200				10.000		16.200.000
54	Nguyễn Như Hiệp	3.800	500					4.050.000
55	Nguyễn Như Dương	3.000	700				1.000	4.100.000
56	Trần Thị Khương	1.500	500					1.750.000
57	Trần Thị Tuyết (Khư)	3.000	700					3.350.000
58	Nguyễn Xuân Nguyên	4.500	500					4.750.000

59	Nguyễn Như Đỉnh	3.800	500			2.200		7.350.000
60	Nguyễn Đình Long	4.000	800			1.500		6.650.000
61	Hoàng Anh Tuấn (Tân)	2.500	500			15.000		25.250.000
62	lê Thị Hoa	3.000,00	800					3.400.000
63	Trần Hữu Thuận	3.000,00	600		35.000			17.300.000
64	lê Văn Hải Thường	2.000	500					2.250.000
65	Nguyễn Văn Trung	2.700	500					2.950.000
66	nguyễn nHư SỰ	2.000	500					2.250.000
67	Nguyễn Thị Nhung (Tuấn)	2.500	500					2.750.000
68	nguyễn Thị Tân (Nhân)	3.800	700					4.150.000
69	võ thị Cước	724						724.000
70	phạm Ngọc thường	3.800	700					4.150.000
71	phạm Ngọc Thường (Tám)	700	400					900.000
72	Nguyễn Đình Hùng (Bà Tiếp)	2.500	500					2.750.000
73	Phạm Thị Ty	600						600.000
74	Hoàng Thị Vinh (Hường)	500						500.000

75	phạm ngọc Tùng	1.800						1.800.000
76	Nguyễn Văn Giang	850						850.000
77	Phạm Ngọc Dũng	1.500	300					1.650.000
78	nguyễn Thị Phương (Nam)	900	300					1.050.000
79	nguyễn Thị Hương (Anh Ba)	500	300					650.000
80	nguyễn văn Lương	1.200						1.200.000
81	Nguyễn Thị Phúc (liểu)	700						700.000
82	nguyễn đình dũng thoan	2.900	500					3.150.000
83	nguyễn Thị Lại	2.600						2.600.000
84	lưu Văn Lạch	4.000	1.000					4.500.000
85	Nguyễn Như Mai	1.800	400					2.000.000
86	hà thị Huân	5.000	500					5.250.000
87	bùi quang Hậu	4.900	500			3.000		9.650.000
88	Phạm Thị Nhị	1.800	500					2.050.000
89	nguyễn như Liên	2.300	300					2.450.000
90	hoàng thị cúc	3.000	800					3.400.000

91	nguyễn như Thảo	4.500	500	5.870				9.446.000
92	nguyễn Thị Thanh (Dũng)	2.200	600					2.500.000
93	chu Văn vận	3.300	700			20.000		33.650.000
94	Phạm Thị Xuân	800						800.000
95	nguyễn Đình Luyện	3.500						3.500.000
96	Nguyễn Văn tam	3.800	500					4.050.000
97	hoàng Thị đào	2.000						2.000.000
98	Trần Thị Loan	500						500.000
99	Trương quang trường	1.400	300					1.550.000
100	nguyễn Như Tuấn	3.500	400			2.000		6.700.000
101	nguyễn Như Khánh	2.189						2.189.000
102	nguyễn Đình Huy Xuân	3.300	500			2.000		6.550.000
103	Nguyễn Thị Tầm	1.000						1.000.000
104	Nguyễn Đình Hà Thọ	800						800.000
105	hoàng Văn trình	1.200						1.200.000
106	Phan Xuân Minh	1.700						1.700.000

107	trần Văn Duẩn	1.000	500					1.250.000
108	lê Văn Hoán	5.000	700			6.339		14.858.500
109	Hoàng Bá Sáu (Thế)	2.500	500					2.750.000
110	lê Văn Quyền	5.800	500			15.000		28.550.000
111	phạm ngọc khánh	4.200	600			15.000		27.000.000
112	hoàng Kim Thủy	3.000	500	20.000				19.250.000
113	nguyễn như Hiệp (Min)	2.500	500					2.750.000
114	Đậu Bá Luân	5.000	500	2.500				7.250.000
115	nguyễn Đình Tứ	3.000	500					3.250.000
116	nguyễn Thị Hồng (Tiến)	3.800	500					4.050.000
117	nguyễn Đình Nam hà	3.000	600			10.000		18.300.000
118	nguyễn Đình Thủy	4.000	900					4.450.000
119	Hoàng Văn tài	5.000	1.000	3.700				8.460.000
120	Nguyễn Đình Tứ (Lục)	1.700						1.700.000
121	nguyễn Như Huệ	3.700	500					3.950.000
122	nguyễn Như Dũng	5.800	500			2.500		9.800.000

123	nguyễn Như Vĩnh	5.000	800		4.000			7.000.000
124	nguyễn Đình Tuế	3.800	400					4.000.000
125	nguyễn nHư Tuần	3.200	600			15.000		26.000.000
126	TrẦN Thị Tuyền (Thạo)	2.400	400					2.600.000
127	nguyễn nHư Quýnh	1.900	400					2.100.000
128	Trần Thị Tuyền (Thông)	4.700	600					5.000.000
129	NGUYỄN Đình Vỹ	4.000	1.000	10.000				12.500.000
130	Đậu Thị Khương	3.500	500			3.000		8.250.000
131	nguyễn nHư Hoàn	2.800	500			3.000		7.550.000
132	Nguyễn Như Hiếu	2.400	600					2.700.000
133	nguyễn như Linh	8.000	1.000					8.500.000
134	Phạm Thị Kháng	3.400	500					3.650.000
135	Nguyễn Đình Dao	3.500	500					3.750.000
136	hoàng Kim Từ	4.700	600					5.000.000
137	Phạm Ngọc Thái	3.500	500					3.750.000
138	nguyễn Văn Điện	3.300	600			2.500		7.350.000

139	Hoàng Kim Đức	3.500	500					3.750.000
140	Phạm Ngọc Nga	3.800	600					4.100.000
141	cao thị Bính	4.300	600					4.600.000
142	hoàng Kim yên	4.000						4.000.000
143	Phạm Thành	4.400	500					4.650.000
144	Phạm Ngọc Khánh (Cổ Lăn)	1.500	500					1.750.000
145	Nguyễn Như Hòa	2.000	500					2.250.000
146	Nguyễn Như Nam	3.400	500			6.500		13.400.000
147	lê Thị Viện	1.800	500					2.050.000
148	nguyễn Đình HÀ Vân	5.000	1.500		50.000			25.750.000
149	nguyễn như Hoi	4.500	500			40.000		64.750.000
150	nguyễn nHư Hoàng (Khân)	1.100						1.100.000
151	nguyễn Thị Thế	5.000	800			1.000		6.900.000
152	nguyễn Như Trinh	4.000	700	30.000				28.350.000
153	Hoàng Văn Sơn	3.500	500	10.000				11.750.000
154	chu Văn hương	4.000	1.500	30.000				28.750.000

155	Đặng Thị Nga	2.100	600			4.000		8.400.000
156	chu Văn ThiỆU	700	300			30.000		45.850.000
157	Nguyễn Đình Hùng (Khang)	5.000	1.400		7.000			8.500.000
158	nguyễn Văn Cừ	4.500	500	11.944				14.305.200
159	nguyễn như Thuận	1.900	300					2.050.000
160	Nguyễn Đình Tín	5.000	900			140.000		215.450.000
161	đậu Thị Loan	3.000	700					3.350.000
162	Nguyễn Đình Mậu	4.000	500			1.000		5.750.000
163	Phan Thị Đăng	600						600.000
164	Hoàng Kim Minh	3.300	500	40.000	20.000			43.550.000
165	hoàng Kim anh	3.500					10.000	11.000.000
166	Nguyễn Đình Mậu (vân)	500						500.000
167	nguyễn Đình Chắt	500						500.000
168	Nguyễn Như Huệ (Thủy Cẩm)	1.500						1.500.000
169	Nguyễn Như Tình	1.500	400			30.000		46.700.000
170	nguyễn Đình Quang	1.000	400			4.000		7.200.000

171	nguyễn Như Đường	4.000	500			2.500		8.000.000
172	Nguyễn Như Hoàng	3.000	400			2.500		6.950.000
173	Nguyễn Đình Trung Thành	1.500	300					1.650.000
174	hoàng Kim Hà	1.100				12.000		19.100.000
175	nguyễn Thị Huê	3.300	600					3.600.000
176	Trần Thị Tuyết Quang	3.800	600					4.100.000
177	Nguyễn Văn Lục	4.800	500					5.050.000
178	Nguyễn Đình Hùng (Mai)	5.000	600					5.300.000
179	nguyễn Thị Mẫn	2.000	300					2.150.000
180	Nguyễn Như Huê	5.000	500					5.250.000
181	Hà Thị thanh (Ninh)	4.500	1.000					5.000.000
182	Nguyễn Đình Thắng (Hoan)	2.100	500					2.350.000
183	chu văn Lịch	3.400	500					3.650.000
184	nguyễn như hoài	4.000	1.000					4.500.000
185	nguyễn như Hùng (Dao)	2.000	400					2.200.000
186	nguyễn Đình hoạt	3.000	800					3.400.000

187	nguyễn VĂN TỨ	4.000	500					4.250.000
188	Đậu Thị Á	2.800	700					3.150.000
189	HÀ Thị Lan	5.100	500					5.350.000
190	nguyễn Xuân Lành	4.800	600			1.000		6.600.000
191	nguyễn Đình Nam Soa	4.000	800					4.400.000
192	nguyễn Đình Cường	2.900	500					3.150.000
193	nguyễn Đình Đường	6.000	1.400					6.700.000
194	Trần Hữu Hùng	6.000	800					6.400.000
195	nguyễn Như Hùng (Phương)	5.000	1.000					5.500.000
196	nguyễn Như Lượng	3.500	600					3.800.000
197	võ văn Từ	2.400	400					2.600.000
198	nguyễn Đình hiền	3.000	700					3.350.000
199	nguyễn Đình Quang (Nguyên)	3.000	600					3.300.000
200	Nguyễn Như Khuyên	6.000	1.300					6.650.000
201	nguyễn Thị LAM (Hải)	2.800	500	3.735		3.738		11.645.000
202	chu văn cháu	1.500						1.500.000

203	HÀ Huy Chương	3.800	600					4.100.000
204	nguyễn Đình Viện	3.600	600					3.900.000
205	nguyễn Đình Hồng	2.000	400					2.200.000
206	nguyễn Đình Tương	4.000	800					4.400.000
207	đình thị nhiệm	1.400						1.400.000
208	trần thị hồng	2.700	500					2.950.000
209	nguyễn đình lâm	3.000	400					3.200.000
210	Trần Thị Hy	2.600	300					2.750.000
211	NGUYỄN ĐÌNH Kiện	2.800	500					3.050.000
212	Nguyễn Văn Được (Minh)	500						500.000
213	Nguyễn Thị Lại (Thảo Trung)	1.400						1.400.000
214	nguyễn Thị Ngưu	1.000						1.000.000
215	nguyễn Như Quế	2.500	500					2.750.000
216	nguyễn Như Thủy	1.000						1.000.000
217	Nguyễn Thị Phương (Thuận)	2.000	500					2.250.000
218	Biện Văn Chí	1.000	300					1.150.000

219	Nguyễn Thị Tuyết	500						500.000
220	nguyễn nHư Khâm	1.200						1.200.000
221	Nguyễn Xuân Lành (Diên)	666						666.000
222	Nguyễn Thị Lan (Mru)	1.600						1.600.000
223	Đặng Thị Chư	1.400	300					1.550.000
234	Hoàng Văn Bình (cổ Minh)	1.200						1.200.000
235	Hoàng Văn Dương (VUỜNG)	1.100						1.100.000
236	Hoàng Văn Bình	2.700				10.000		17.700.000
237	hoàng Văn Dương	3.200						3.200.000
238	bùi Quang Cường	4.000	500					4.250.000
239	nguyễn Đình Bằng	3.400	500					3.650.000
240	chu văn Hùng	2.000	300					2.150.000
241	Nguyễn Như Chương	1.500	300			10.000		16.650.000
242	nguyễn Đình Mạnh	1.600						1.600.000
243	nguyễn nHư Thanh (Nhiệm)	1.500						1.500.000
244	NGUYỄN Đình Thắng(Huê)	5.000	500	6.740				10.642.000

245	nguyễn đình Nhận	3.000	600					3.300.000
246	Hoàng Văn Tịnh	2.500	400			3.000		7.200.000
247	Nguyễn Đình Tương (Bón)	1.200						1.200.000
248	Nguyễn Như chương (Thuận)	1.200						1.200.000
249	Đậu Thị vân	5.000	1.400			5.291		13.636.500
250	nguyễn Đình Cảnh	2.000	800					2.400.000
251	Nguyễn Thị Mai (Liên)	4.000	500					4.250.000
252	nguyễn Như VY	4.500	600			2.000		7.800.000
253	Nguyễn Thị Sừu	1.180						1.180.000
254	Nguyễn Thị Thảo (diên)	1.600						1.600.000
255	nguyễn Đình Thắng Hường	2.000	500					2.250.000
256	lê Văn Huyền					4.000		6.000.000
257	lê Thanh miêng					6.000		9.000.000
258	Nguyễn Đình Kỳ	2.200	500					2.450.000
259	Hoàng Kim Phú	2.000	800					2.400.000
260	Nguyễn Đình Quốc (Vấn)	700						700.000

261	nguyễn Đình Thanh (Thắng)	1.200						1.200.000
	TỔNG	714.673	111.531	211.489	136.000	547.108	11.000	1.822.941.700